

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO ĐẶC THÙ ĐƠN VỊ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: **HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**
MÃ SỐ: **7340405**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN, ngày tháng năm 2019
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Hệ thống thông tin quản lý
 - + Tiếng Anh: Management Information Systems
- Mã số ngành đào tạo: 7340405
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Management Information Systems
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu đào tạo

- Đào tạo Cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt, có ý thức phục vụ cộng đồng và xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và kinh doanh, tin học và hệ thống thông tin; có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng nghề nghiệp về thiết kế, vận hành, quản trị các hệ thống thông tin quản lý – kinh doanh; có năng lực tổng hợp, phân tích thông tin, trợ giúp hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách, dự án về phát triển và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các tổ chức, doanh nghiệp; có năng lực tham gia

nghiên cứu, sáng chế và giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu và giáo dục; có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và có khả năng làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên vận dụng được các năng lực, kiến thức và kỹ năng trên vào thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng tư duy phản biện và quản trị đổi mới, khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề, lập kế hoạch và trợ giúp đưa ra các quyết định quản lý; có nhận thức rõ về vai trò của công nghệ thông tin trong việc nâng cao hiệu suất hoạt động quản lý - kinh doanh; hiểu và vận dụng được các quy tắc và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội về nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Thông tin tuyển sinh

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo Đề án tuyển sinh được phê duyệt hàng năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- Về mặt chính trị, sinh viên tốt nghiệp hiểu rõ các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin; trình bày lại được đường lối chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới; thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh;

- Với kiến thức quốc phòng, an ninh, sinh viên hiểu rõ đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng của Đảng và Nhà nước, vận dụng được những kỹ năng cơ bản về quân sự, tác nghiệp và các kỹ thuật liên quan. Sinh viên có thể vận dụng được các kiến thức khi tham gia công tác bảo vệ an ninh quốc gia trong trường hợp cần thiết;

- Với các kiến thức về giáo dục thể chất, sinh viên vận dụng được các nguyên tắc tập luyện, thi đấu để có được một sức khỏe tốt, tinh thần sảng khoái để làm việc hiệu quả và tham gia vào các hoạt động thể thao cộng đồng.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Về tin học, sinh viên tốt nghiệp có khả năng sử dụng tin học thành thạo, làm nền tảng để làm việc trong môi trường công nghệ cao;

- Sinh viên tốt nghiệp thể hiện và vận dụng được nhận thức của mình về nền tảng khoa học chung, đặc biệt là các lĩnh vực toán học, kiến trúc máy tính, hệ thống mạng máy tính, tâm lí học, làm nền tảng cho việc nghiên cứu các học phần chuyên ngành và các vấn đề quản lí thông tin trong thực tế làm việc; Giải thích được vai trò của các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học nhân văn và kinh tế trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong thời đại kĩ thuật số, hội nhập và toàn cầu hóa.

1.3. Kiến thức của khối ngành

- Sinh viên tốt nghiệp áp dụng được kiến thức của khối ngành Kinh doanh và Quản lí về các học thuyết và qui luật kinh tế, cách thức vận hành của thị trường, vai trò tác động của chính phủ đối với nền kinh tế để phân tích, ra quyết định kinh doanh, đầu tư; Vận dụng được những vấn đề cơ bản, cốt lõi của Luật pháp và Đạo đức trong kinh doanh.

1.4. Kiến thức của nhóm ngành

- Sinh viên tốt nghiệp vận dụng được kiến thức đặc thù cơ bản của nhóm ngành Quản trị – Quản lí về phân tích các tổ chức và quản trị kinh doanh, các hệ thống thông tin trong tổ chức, các phương pháp định lượng trong quản lí, cơ sở dữ liệu trong phân tích kinh doanh; Áp dụng được các kiến thức lập trình cơ bản, tạo lập và thiết kế Web, vận dụng được công nghệ internet, kiến trúc ứng dụng Web cũng như sử dụng các công cụ đa phương tiện, mạng internet.

- Ngoài ra, sinh viên có thể tự chọn một số học phần để vận dụng các khái niệm đạo đức trong kinh doanh, các qui định của pháp luật về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng, quyền sở hữu trí tuệ.

1.5. Kiến thức ngành

- Sinh viên tốt nghiệp có thể vận dụng được các kiến thức của ngành Hệ thống thông tin quản lý như mô hình hóa và thiết kế hệ thống thông tin, các hệ thống thông tin quản lý và doanh nghiệp, quản trị dự án, phân tích kinh doanh hỗ trợ ra quyết định, phát triển các hệ thống hướng đối tượng và các nguyên lý an toàn thông tin; vận dụng được các kiến thức chuyên sâu của ngành như thiết kế đa phương tiện và phát triển web, lập kế hoạch và hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh, thương mại, tài chính – ngân hàng; có khả năng phân tích, sáng chế, đánh giá và ra quyết định trong việc tổ chức và quản lý các hoạt động trong các lĩnh vực chuyên sâu của ngành (theo một trong bốn nhóm môn chuyên sâu lựa chọn): quản lý hệ thống thông tin, quản lý thông tin tài chính, quản lý thông tin marketing hay quản lý thông tin bất động sản; vận dụng được các kiến thức bổ trợ về phương pháp nghiên cứu, lãnh đạo và xây dựng đội ngũ, về lập trình cơ bản và nâng cao.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp thu nhận và phát triển được những kỹ năng phù hợp và chuyên nghiệp về thiết kế, triển khai và vận hành các hệ thống quản lý – quản trị nói chung và các hệ thống thông tin quản lý nói riêng như: lập kế hoạch và mô hình hóa, phát triển các hệ cơ sở dữ liệu, xây dựng thuật toán và lập trình, khai phá dữ liệu, quản trị dự án và quản trị hoạt động, phân tích và xây dựng các hệ hỗ trợ ra quyết định cho quản lý và kinh doanh; có các kỹ năng chuyên sâu về tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và kinh doanh; và đặc biệt là kỹ năng sử dụng tiếng Anh thành thạo phục vụ công việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập kinh tế.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Sinh viên tốt nghiệp có năng lực phân tích và nhận diện vấn đề; tìm kiếm và phân tích thông tin một cách khoa học để đưa ra các giải pháp, kiến nghị phù hợp giải quyết vấn đề; có năng lực tư duy và lập luận logic, khoa học trong việc giải quyết các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Sinh viên có khả năng tự học, tự tìm tòi, nghiên cứu và khám phá kiến thức mới; có cách nhìn phản biện, phê phán với các kiến thức hiện tại; chủ động trong việc ứng dụng kiến thức mới, công nghệ mới vào công việc; khả năng thích ứng cao với môi trường hoạt động.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Sinh viên tốt nghiệp có khả năng phân tích vấn đề một cách logic, có so sánh, đối chiếu với các vấn đề khác, các yếu tố khác của hệ thống; có khả năng nhìn nhận vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau và phân tích vấn đề trong mối tương quan với các yếu tố khác trong hệ thống, có khả năng tư duy giải quyết vấn đề một cách hệ thống: hình thành ý tưởng, thiết kế, vận hành và triển khai.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Sinh viên tốt nghiệp có khả năng nhận diện các yếu tố tác động từ bên ngoài để hiểu bối cảnh hoạt động; đánh giá các tác động của các yếu tố đó đến cơ sở hoạt động và ngành nghề; từ đó thích nghi với sự thay đổi của ngoại cảnh và chủ động trước những biến động của bối cảnh xã hội. Sinh viên cũng hiểu được ảnh hưởng của ngành nghề đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành nghề, hiểu được các ràng buộc đến từ văn hóa dân tộc, bối cảnh lịch sử, các giá trị thời đại và bối cảnh toàn cầu đối với nghề nghiệp của mình.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

- Sinh viên tốt nghiệp nắm được các kỹ năng phân tích, đánh giá tổ chức nơi mình làm việc trên các phương diện như văn hoá tổ chức, chiến lược phát triển của tổ chức, mục tiêu, kế hoạch của tổ chức, mối quan hệ giữa cấu trúc của tổ chức và cấu

trúc của hệ thống thông tin quản lí, quan hệ giữa đơn vị với công việc đảm nhận để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc và làm việc thành công trong đơn vị.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn

- Sinh viên tốt nghiệp có khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kĩ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp, khả năng làm chủ khoa học kĩ thuật và công nghệ mới, khả năng phát hiện và xây dựng các giải pháp công nghệ và quản lí giải quyết hợp lí các vấn đề trong nghề nghiệp.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp có khả năng nghiên cứu, cải tiến, đổi mới, sáng chế, phát minh sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, có khả năng quản trị và dẫn dắt thay đổi – đổi mới, cập nhật và dự đoán xu thế phát triển ngành nghề và khả năng làm chủ khoa học kĩ thuật và công cụ lao động mới.

2.2. Kĩ năng bổ trợ

2.2.1. Các kĩ năng cá nhân

- Sinh viên tốt nghiệp có kĩ năng hiệu quả về học và tự học; quản lí thời gian và tự chủ trong học tập và trong công việc; chủ động nhận diện, phân tích và thích ứng với sự phức tạp của thực tế; kĩ năng quan sát và học hỏi từ thực tiễn, từ kinh nghiệm của những cá nhân khác để học tập suốt đời.

2.2.2. Làm việc theo nhóm

- Sinh viên làm chủ được kĩ năng tổ chức làm việc nhóm như hình thành nhóm, hoạch định hoạt động nhóm, lãnh đạo và tạo động lực cho nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và các kĩ năng làm việc trong nội bộ nhóm và với các nhóm khác.

2.2.3. Quản lí và lãnh đạo

- Sinh viên tốt nghiệp thu nhận được các kĩ năng phù hợp về quản lí và lãnh đạo như lập mục tiêu hoạt động, phân công nhiệm vụ trong đơn vị, hướng dẫn hoạt động, tạo động lực cho từng cá nhân, kiểm soát và đánh giá hoạt động của đơn vị; khả

năng đàm phán, thuyết phục và ra quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Sinh viên tốt nghiệp sẽ có các kỹ năng cần thiết để giao tiếp hiệu quả trong công việc, bao gồm: lập luận, sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức.

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Sinh viên có kỹ năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc, trong giao tiếp với các cá nhân, tổ chức bằng văn bản hay giao tiếp trực tiếp (trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

2.2.6. Các kỹ năng bổ trợ khác

- Sinh viên sử dụng thành thạo các kỹ năng mềm khác như soạn thảo văn bản, thuyết trình, quản lý mail...

3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng sau đây:

- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Hướng dẫn giám sát người khác trong việc sử dụng và phát triển các hệ thống thông tin quản lý;
- Tự phê, tự định hướng, tự rút kinh nghiệm và có thể bảo vệ được quan điểm ý kiến cá nhân;
- Lập kế hoạch, điều phối quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động;
- Nghiên cứu cải tiến các hoạt động mình tham gia.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Sinh viên tốt nghiệp có phẩm chất đạo đức tốt, các phẩm chất cá nhân phù hợp như sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự

tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê, tự chủ, chính trực, phản biện, mong muốn cải tiến và đổi mới, sáng tạo, có trách nhiệm và chủ động trong công việc.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp có đạo đức nghề nghiệp tốt, có hành vi, ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động, có ý thức về quyền sở hữu trí tuệ, về bảo mật và an toàn thông tin, có thái độ nghiêm túc, nhiệt tình với công việc, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Sinh viên có ý thức chấp hành pháp luật, có trách nhiệm xã hội, ủng hộ và bảo vệ cái đúng và sự phát triển đổi mới, có lập trường chính trị vững vàng và có ý thức phục vụ nhân dân, xây dựng và bảo vệ đất nước.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ chuyên môn và năng lực để đảm nhận các vị trí việc làm sau:

- Chuyên viên nghiên cứu, tham gia hoạch định chính sách, phát triển dự án về ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin quản lí và kinh doanh tại các cơ quan quản lí nhà nước, các tổ chức và doanh nghiệp;

- Chuyên viên phân tích phân tích, thiết kế các hệ thống quản lí và kinh doanh, chuyên gia tư vấn phát triển kinh doanh và ứng dụng công nghệ thông tin trong các dịch vụ ngân hàng, chuyên gia thiết kế và vận hành các hệ thống kinh doanh/hỗ trợ ra quyết định/quản trị tri thức;

- Chuyên viên quản trị hạ tầng công nghệ thông tin cho các hệ thống thông tin quản lí và kinh doanh, chuyên gia tư vấn về công nghệ và tích hợp hệ thống, chuyên viên điều hành kĩ thuật các hệ thống thông tin doanh nghiệp, chuyên viên điều hành thương mại điện tử, chuyên viên phân tích kinh doanh điện tử.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ chuyên môn và năng lực để tham gia vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về lĩnh

vực ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển và sáng chế đổi mới phần mềm và các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản lí và kinh doanh; Hoạch định, triển khai và quản lí các hoạt động và hệ thống kinh doanh độc lập của riêng mình và tự nâng cao trình độ.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	145 tín chỉ
<i>(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i>	
- Khối kiến thức chung:	21 tín chỉ
<i>(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i>	
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	25 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành:	08 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	26 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	20 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	6/10 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành:	65 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	30 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	06/18 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn kiến thức bổ trợ:	04/10 tín chỉ
+ Các học phần định hướng chuyên sâu:	15 tín chỉ
+ Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:	10 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)		21				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	
4	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Guidelines of Vietnam Communist Party</i>	2	20	10	0	
5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6	FLF1107	Tiếng Anh B1 (*) <i>English B1</i>	5	20	35	20	
7	FLF1108	Tiếng Anh B2 (*) <i>English B2</i>	5	20	35	20	
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
9		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		25				
10	INS1014	Tiếng Anh học thuật 1 <i>English for Academic Purposes 1</i>	4	30	30	0	
11	INS2020	Lập trình 1 <i>Programming 1</i>	3	30	15	0	
12	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28	0	
13	MAT1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	45	15	0	
14	MAT1004	Lí thuyết xác suất và thống kê toán <i>Theory of Probability and Mathematical Statistics</i>	3	27	18	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
15	INS1004	Đại cương về mạng máy tính <i>Introduction to Computer Networks</i>	4	36	24	0	
16	PSY1050	Tâm lí học đại cương <i>Introduction to Psychology</i>	2	24	6	0	
17	INS1051	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lí <i>Introduction to Management Information Systems</i>	2	15	15	0	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		08				
18	THL1057	Pháp luật đại cương <i>Introduction to Law</i>	2	24	6	0	
19	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	36	9	0	
20	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	36	9	0	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		26				
IV.1	Các học phần bắt buộc		20				
21	INS2019	Tổ chức và quản trị kinh doanh <i>Business Organization and Management</i>	3	36	9	0	INE1050
22	INS3050	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật <i>Data Structures and Algorithms</i>	3	27	18	0	INS2020
23	INS2037	Hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh <i>Business Information Systems and Processes</i>	3	27	18	0	INT1004
24	INS2051	Các phương pháp định lượng trong quản lí <i>Quantitative Methods for Management</i>	3	27	18	0	MAT1004
25	INS2053	Tạo lập và quản lí Web <i>Web Authoring and Web Management</i>	4	36	24	0	INT1004
26	INS2055	Các hệ cơ sở dữ liệu <i>Database Systems</i>	4	36	24	0	INT1004
IV.2	Các học phần tự chọn		06/18				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
27	INS2060	Đổi mới công nghệ thông tin và kinh doanh <i>IT and Business Innovation</i>	3	27	18	0	INS2019
28	INS2058	Quyền sở hữu trí tuệ <i>Intellectual Property Rights</i>	3	27	18	0	THL1057
29	INS2023	Quản trị hoạt động <i>Operations Management</i>	3	36	9	0	INS2019
30	INS2061	Khai phá dữ liệu và phân tích kinh doanh <i>Data Mining and Business Analytics</i>	3	27	18	0	MAT1004 INS2055
31	INS2062	Mobile và công nghệ diện rộng <i>Mobile and Pervasive Technology</i>	3	27	18	0	INT1004
32	INS3034	Khung kiến trúc Dot Net <i>Dot Net Framework</i>	3	27	18	0	INS2020
V	Khối kiến thức ngành		65				
V.1	Các học phần bắt buộc		30				
33	INS3070	Quản lí các hệ thống thông tin <i>Information Systems Management</i>	3	27	18	0	INS2037
34	INS3035	Lập trình Java <i>Java Programming</i>	3	27	18	0	INS2020
35	INS3056	Mô hình hóa và thiết kế các hệ thống thông tin <i>Information Systems Modeling and Design</i>	3	27	18	0	INS2037 INS2055
36	INS3044	Quản trị dự án công nghệ thông tin <i>IT Project Management</i>	3	27	18	0	
37	INS3066	Các giải pháp kinh doanh cho doanh nghiệp <i>Enterprise Business Solutions</i>	3	27	18	0	
38	INS3061	Các hệ thống thông tin doanh nghiệp <i>Enterprise Information Systems</i>	3	27	18	0	INS2019 INS2037

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
39	INS3062	Các nguyên lí an toàn thông tin <i>Principles of Information Security</i>	3	27	18	0	INS2037
40	INS3063	Phân tích kinh doanh hỗ trợ ra quyết định <i>Enterprise Analytics for Decision Support</i>	3	27	18	0	MAT1004
41	INS3009	Khởi nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	3	45	0	0	INS2019
42	INS3064	Thiết kế đa phương tiện và phát triển Web <i>Multimedia Design and Web Development</i>	3	27	18	0	INS2053 INS2020
V.2	Các học phần tự chọn		06/18				
43	INE3060	Thương mại điện tử <i>E-Commerce</i>	3	27	18	0	INS2019
44	INS3060	Phát triển cơ sở dữ liệu nâng cao <i>Advanced Database Development</i>	3	27	18	0	INS2055
45	INS3057	Lập kế hoạch và hạ tầng công nghệ thông tin <i>Information Technology Planning and Infrastructure</i>	3	27	18	0	INS2037 INS3044
46	INS3067	Các quy trình và công nghệ ngân hàng bán lẻ <i>Retailing Banking Processes and Technology</i>	3	27	18	0	INS2061 INS3070
47	INS3068	Các quy trình và công nghệ thanh toán điện tử <i>E-Payment Processes and Technology</i>	3	27	18	0	INS2062 INS3070
48	INS3071	Thương mại mobile <i>Mobile Commerce</i>	3	30	15	0	INS2062 INS3070
V.3	Các học phần tự chọn kiến thức bổ trợ		04/10				
49	INS2065	Các công nghệ dựa trên nền công nghệ thông tin <i>Computer Based Technologies</i>	2	18	12	0	INT1004

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
50	INS1005	Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin <i>IT Research Methods</i>	2	18	12	0	
51	INS2059	Lãnh đạo và xây dựng đội ngũ <i>Leadership and Team Building</i>	2	18	12	0	
52	INS2022	Môi trường xã hội, đạo đức, pháp lí trong kinh doanh <i>Legal, Ethical, Social Environment of Business</i>	2	27	03	0	THL1057
53	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>Introduction to Sociology</i>	2	24	6	0	
V.4	Các nhóm học phần chuyên sâu lựa chọn		15/60				
V.4.1	<i>Quản lí hệ thống thông tin</i>		15				
54	INS3069	Các hệ hỗ trợ ra quyết định <i>Decision Support Systems</i>	3	30	15	0	INS2061 INS3063
55	INS3074	Các hệ thống thông tin toàn cầu <i>Global Information Systems</i>	3	30	15	0	INS3056
56	INS3045	An ninh mạng <i>Network Security</i>	3	30	15	0	INS3062
57	INS3073	Kho dữ liệu và phân tích kinh doanh <i>Data Warehousing and Business Analytics</i>	3	30	15	0	INS3063
58	INS3080	Trí tuệ nhân tạo <i>Artificial Intelligence</i>	3	30	15	0	INS3061
V.4.2	<i>Quản lí thông tin trong tài chính</i>		15				
59	INS2015	Tài chính căn bản <i>Fundamentals of Finance</i>	3	30	15	0	INE1051
60	INS3007	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	30	15	0	INS2015
61	INS3029	Thị trường và các thể chế tài chính <i>Financial Market and Institutions</i>	3	30	15	0	INS2015
62	INS3032	Tài chính quốc tế <i>International Finance</i>	3	36	9	0	INS2015

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
63	FIB3005	Đầu tư và quản lí danh mục đầu tư <i>Investment and Portfolio Management</i>	3	30	15	0	INS2015
V.4.3	<i>Quản lí thông tin trong Marketing</i>		15				
64	INS2003	Nguyên lí Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	36	9	0	
65	INS3041	Chiến lược Marketing <i>Marketing Strategy</i>	3	30	15	0	INS2003
66	INS3042	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	30	15	0	INS2003
67	BSA3014	Marketing dịch vụ <i>Services Marketing</i>	3	27	18	0	INS2003
68	BSA3012	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing Research</i>	3	30	15	0	INS2003
V.4.4	<i>Quản lí thông tin trong bất động sản</i>						
69	INS2050	Các nguyên lí bất động sản cơ bản <i>Principles of Real Estate</i>	3	30	15	0	INE1050 THL1057
70	INS3051	Quản trị bất động sản <i>Real Estate Management</i>	3	30	15	0	INS2050
71	INS3052	Các thị trường vốn bất động sản <i>Real Estate Capital Markets</i>	3	30	15	0	INS2050
72	INS3053	Bất động sản quốc tế <i>International Real Estate</i>	3	30	15	0	INS2050
73	INS3081	Đầu tư bất động sản <i>Real Estate Investment</i>	3	30	15	0	INS2050
V.5	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		10				
74	INS4001	Thực tập thực tế <i>Internship</i>	5	0	60	0	INS3044 INS3061
75	INS4011	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	5	0	0	0	
	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>						
76	INS2024	Chiến lược tổ chức <i>Organizational Strategy</i>	3	36	9	0	INS2019

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
77	INS4010	Phát triển các hệ thống thông tin nâng cao <i>Advanced Information Systems Development</i>	2	18	12	0	INS4001
Tổng cộng			145				

Ghi chú:

- (*) Sinh viên tự tích lũy các học phần Tiếng Anh B1, B2 và phải đạt trình độ B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trước khi học các học phần thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành và ngành;

- Chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh, trừ các học phần thuộc Khối kiến thức chung được giảng dạy bằng tiếng Việt.